*Tiết 22 :* **ÔN TẬP HỌC KỲ I**

***I****.* ***Mục tiêu****:*

***1.Về kiến thức:*** Ôn lại và hệ thống các kiến thức sau:

* Sự tạo thành của mặt tròn xoay, các yếu tố liên quan: đường sinh, trục.
* Mặt nón, hình nón, khối nón; công thức tính diện tích xung quanh, toàn phần của hình nón; công thức tính thể tích khối nón.

***2. Về kĩ năng:*** Rèn luyện và phát triển cho học sinh các kĩ năng về:

* Vẽ hình: Đúng, chính xác và thẫm mỹ.
* Xác định giao tuyến của một mặt phẳng với một mặt trụ
* Tính được diện tích, thể tích của hình trụ khi biết được một số yếu tố cho trước.

***3. Về tư duy, thái độ:***

* Tư duy logic, quy lạ về quen và trừu tượng hóa.
* Thái độ học tập nghiêm túc, tinh thần hợp tác cao.

***II****.* ***Chuẩn bị****:*

***1. GV:*** Giáo án, đồ dùng dạy học.

***2. HS:*** Ôn lại lý thuyết đã học và làm bài tập SGK.

***III****.* ***Tiến trình bài học****:*

***1. Kiểm tra bài cũ.***

Trong không gian cho hình chữ nhật ABCD với AB=a, AD=a. Khi quay hình chữ nhật này xung quanh cạnh AD ta được một hình trụ tròn xoay.

Tính Sxq của hình trụ và thể tích V của khối trụ.

* + Học sinh nêu đúng các công thức: 2 điểm (0,5 điểm/1 công thức)
  + Học sinh vẽ hình ( Tương đối): 2 điểm.

A

* + D Học sinh giải:

Hình trụ có bán kính R=a, chiều cao h=a.

 Sxq = 2Rl = 2.a.a**=** 2a(đvdt)

(l=h=a):3 điểm.

V = Rh = a.a**= **a(đvdt): 3 điểm.

B

C

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** | ***Nội dung*** |
| (?) Hãy xác định góc giữa đường thẳng AB và trục của hình trụ  (?) Xét vị trí tương đối của  và  (?) Cách tính khoảng cách giữa hai đường thẳng và trục  (?) Hãy tính khoảng cách từ  đến  -Tóm tắt đề.   * Yêu cầu:   + 1 học sinh lên bảng giải câu 1.   + 1 học sinh lên bảng giải câu 2. * g ọi hs kh ác nh ận x ét * GV: Chỉnh sửa, hoàn thiện và lưu ý bài giải của học sinh.   Gv hướng dẫn thông qua các câu hỏi cụ thể  (?) Bán kính đáy bằng?  (?)Sxq=?  Stp=?  V= ?  (?) Hãy xác định góc giữa mp(SAB) và mặt đáy  (?) Hãy tính diện tích tam giác SBC=? | Hs lên bảng trình bày a), b)  Là góc giữa hai đường thẳng cắt nhau lần lượt // với 2 đt đó     * tính khoảng cách từ một điểm trên đến * Vẽ hình. * Theo dõi, suy nghĩ. * Lên bảng trình bày lời giải.   Học sinh 1:  Tính S, S. Lập tỷ số.  Học sinh 2:  Tính V, V. Lập tỷ số.  Nhận xét  Tính bán kính đáy  Nháp và trả lời câu hỏi | **Bài 7** sgk tr 39  một hình trụ có bán kính đáy là  chiều cao  a) Tính Sxq và Stp của hình trụ  b) Tính V của khối trụ  c) A, B lần lượt nằm trên đường tròn đáy sao cho góc giữa AB và trục của hình trụ bằng . Tính khoảng cách giữa AB và trục của hình trụ  Giải  a) Sxq=  Stp= +  b) V =  c) Gọi  là trục của hình trụ  là đường sinh  có  nên góc gữa  và trục là  Vì nên khoảng cách giữa  và  bằng khoảng cách từ một điểm trên  đến  Gọi H là trung điểm  nên khoảng  **Bài 8**: Trang 40  Một hình trụ có 2 đáy (O;r) và (O';r'). OO'=r. Một hình nón có đỉnh O' và đáy là hình tròn (O;r).  1. Gọi S, S lần lượt là diện tích xung quanh của hình trụ và hình nón trên. Tính .  2. Mặt xung quanh của hình nón chia khối trụ thành hai phần. Tính tỷ số thể tích của hai phần đó.  Giải  1. Hình trụ có:   * Bán kính đáy r. * Chiều cao OO'=r.   S = 2.r.r = 2r  Gọi O'M là một đường sinh của hình nón.  O'M===2r  Hình nón có:   * Bán kính đáy: r. * Chiều cao: OO'=r. * Đường sinh: l=O’M=2r.   S=.r.2r = 2r  Vậy: =  2. Gọi V là thể tích khối nón.  V là thể tích khối còn lại của khối trụ.  V = r.r = r  V = V*trụ* - V= r.r-r =Vậy: =  **Bài 9** tr 40  Cắt hình nón đỉnh S bởi một (P)qua trục được một tam giác vuông cân cạnh huyền  a) Tính Sxq và Stp và V của khối chóp  b) BC là dây cung của đường tròn đáy sao cho (SBS) tạo với đáy một góc  tính diện tích tam giác SBC  Giải  a) gọi tam giác thiết diện là SAB =>AB là cạnh huyền  Sxq=, Stp=+  V=  b) Kẻ  có |

***3. Củng cố, dặn dò***

Nhắc lại lần nữa các công thức diện tích và thể tích của hình nón, hình trụ.

Hướng dẫn HS làm bài tập 1, 2, 3, 4 trang 48, SGK.

*Tiết 23.*

**KIỂM TRA HỌC KỲ I**

***I. Mục tiêu:***

***1. Kiến thức:***

Nhắc lại các kiến thức: Định nghĩa lũy thừa với số mũ 0, Lũy thừa với số mũ nguyên, lũy thừa với số mũ hữu tỷ, lũy thừa với số mũ thực. Định nghĩa, viết các công thức về tính chất của hàm số mũ. Định nghĩa, viết các công thức về tính chất của lôgarit, lôgarit thập phân, lôgarit tự nhiên, hàm số lôgarit.

***2. Kỹ năng:***

Ôn các kỹ năng sau: Sử dụng các quy tắc tính lũy thừa và lôgarit để tính các biểu thức, chứng minh các đẳng thức liên quan. Giải phương trình, hệ phương trình, bất phương trình mũ và lôgarit.

***3. Tư duy, thái độ:***

- Xây dựng tư duy logíc, biết quy lạ về quen.

- Cẩn thận, chính xác trong tính toán, lập luận.

***II. Chuẩn bị:***

1. Thực tiễn: HS đã nắm được các kiến thức trong chương II.

2. Phương tiện:Bài kiểm tra, đề kiểm tra, đáp án và biểu điểm

**III. MT, Đề, đáp án, thang điểm:**